

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-PT
Ngày 26 - 02 - 2025
*V/v tranh chấp xác định cha cho
con*

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng;

Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10
năm 2024 về “*Tranh chấp xác định cha cho con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2024/HNGĐ-ST ngày 13
tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2024/QĐ-PT ngày
01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Văn Q, sinh năm
1954; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

2. Bị đơn:

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ dân phố C Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị B, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ dân phố C Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1974;

Người giám hộ của bà Phạm Thị Đ: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ dân phố C Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị B: Chị Kim Thị Y, sinh năm 1999; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

(Theo giấy ủy quyền ngày 17/10/2024 của bà Phạm Thị B)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Quang T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà C, đường N, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Lê Thị V, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Số nhà C, đường N, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

+ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ dân phố C Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

+ Ông Phạm Văn D, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số nhà G, đường T, phường G, quận H, thành phố Hà Nội; (vắng mặt).

4. Người làm chứng: Ông Vũ Quang H1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số nhà C, ngõ A, tổ B Phố Y, phường B, quận L, thành phố Hà Nội; (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T1 - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

6. Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn Q trình bày:

Mẹ bà H là cụ Đỗ Thị H2 kết hôn với cụ Vũ Quang H3. Năm 1965 cụ H3 chết. Sau khi cụ H3 chết, cụ H2 có quan hệ tình cảm với cụ Phạm Văn T2. Năm 2012, cụ H2 chết. Khi còn sống, cụ H2 cho bà H biết, cụ T2 là cha của bà H. Năm 1998 cụ T2 chết, trước khi chết, cụ T2 dặn ông Phạm Quang T và ông Phạm Văn T1 là con trai cụ T2: “Cái H nó là em gái các con, các con phải quan tâm đến nó”. Việc bà H là con gái cụ T2, anh em trong nhà và hàng xóm đều biết. Năm 1997, bà H kết hôn và chuyển về sống cùng chồng tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ cho đến nay. Năm 1998, khi cụ T2 chết, bà Phạm Thị Bàn L1 con gái cụ T2 điện thoại cho bà H về chịu tang. Bà H xác định, bà là con gái cụ T2 nhưng quan niệm trong gia đình, thôn xóm và pháp luật chưa công nhận đầy đủ. Vì vậy, đầu năm 2019, bà H làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự: Xác định

cụ T2 là cha bà H. Tòa án nhân dân huyện Y đã thụ lý, giải quyết không chấp nhận đơn yêu cầu của bà H. Bà H không đồng ý với quyết định của cấp sơ thẩm nên kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy quyết định giải quyết sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, sau khi thụ lý lại, Tòa án nhân dân huyện Y đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giải quyết theo thẩm quyền. Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xác định yêu cầu xác định cha cho con của bà H có tranh chấp là vụ án nên bà H rút đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự. Nay đề nghị Tòa án giải quyết xác định cụ T2 là cha của bà H.

Bị đơn bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị Đ và người giám hộ của bà Đ là bà Phạm Thị B thống nhất trình bày:

Bố các bà là cụ Phạm Văn T2 (chết năm 1998) kết hôn với mẹ các bà là cụ Nguyễn Thị P (chết năm 1997) sinh được 06 người con là Phạm Quang T, Phạm Văn T1, Phạm Văn D, Phạm Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị Đ và nhận nuôi bà Phạm Thị Đ1 (chết năm 1997). Ngoài ra, bố mẹ các bà không có người con nào khác. Khi còn sống, cụ T2 không nói gì về việc có con riêng. Cụ H2 hoặc bà H không qua lại gì với gia đình các bà.

Nay bà H đề nghị Tòa án xác định cụ Phạm Văn T2 là cha bà H, các bà không đồng ý, đồng thời không đồng ý cho lấy mẫu làm giám định ADN với bà H. Các bà xác định bà H không phải là con riêng của cụ T2. Gia đình các bà không liên quan gì đến bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn D trình bày:

Ông xác nhận về mối quan hệ như bà B, bà L và người giám hộ cho bà Đ trình bày là đúng. Ngoài 06 người con của cụ T2 và cụ P gồm các ông, bà: Phạm Quang T, Phạm Văn T1, Phạm Văn D, Phạm Thị L, Phạm Thị B, Phạm Thị Đ thì bố mẹ ông còn nhận nuôi bà Phạm Thị Đ1, chết năm 1997. Cụ T2, cụ P không có người con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Khi bố mẹ ông còn sống, ông không thấy bố mẹ ông nói gì về việc cụ T2 có con riêng, cũng không thấy nói gì về việc bà H là con riêng của cụ T2. Việc bà H cho rằng bà H là con riêng của cụ T2 là không đúng. Nay bà H yêu cầu Tòa án xác định cụ Phạm Văn T2 là cha bà H, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quang T, ông Phạm Văn T1 cùng người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:

Cụ Nguyễn Thị P và cụ Phạm Văn T2 sinh được 06 người con như bà B, bà L và ông D trình bày. Ngoài ra, hai cụ nhận nuôi bà Phạm Thị Đ1, chết năm 1997.

Khi cụ T2 còn sống, cụ H2 là mẹ bà Vũ Thị H thường xuyên đi lại với gia đình cụ P, cụ T2. Trước khi chết, cụ T2 dặn ông T, ông T1: “Cái H nó là em gái các con, các con phải quan tâm đến nó”. Năm 1997, bà H kết hôn và chuyển về sống cùng chồng tại huyện L, tỉnh Phú Thọ. Năm 1998, cụ T2 chết, bà B gọi điện cho bà H về chịu tang. Việc bà H là con riêng cụ T2, các anh em của ông T, ông T1 và hàng xóm đều biết nhưng chưa được gia đình, pháp luật công nhận. Quá trình từ khi giải quyết việc dân sự sau đó chuyển sang vụ án dân sự từ năm 2019 đến nay, bà B, bà L và người giám hộ của bà Đ không thừa nhận bà H là con cụ T2, không hợp tác, không cung cấp mẫu để xét nghiệm ADN với bà H. Nay các ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, tuyên bố cụ T2 là cha bà H.

Người làm chứng là ông Vũ Quang H1 trình bày:

Ông là con trai của cụ Vũ Quang H3 (chết năm 1965) và cụ Đỗ thị H2 (chết năm 2012). Cụ H2 là mẹ đẻ bà Vũ Thị H. Theo ông bà H là con của cụ Phạm Văn T2 (chồng cụ Nguyễn Thị P) vì khoảng năm 1978-1979 cụ Đỗ Thị H2 còn sống kể cho ông là cụ H2 có quan hệ với cụ T2 nên năm 1970 sinh ra bà Vũ Thị H. Do bà B, bà L không cho bà H nhận là con cụ T2 nên bà H không đi lại với gia đình cụ T2, cụ P. Khi cụ T2, cụ P chết bà H cũng không về đội tang. Nhìn bà H có khuôn mặt giống bà B. Ông không có giấy tờ, tài liệu chứng cứ gì mà chỉ nghe cụ H2 kể lại bà H là con cụ T2.

Tại bản án sơ thẩm số 23/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc đề nghị Tòa án xác định cụ Phạm Văn T2 là cha của bà Vũ Thị H.

- Về án phí: Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001492 ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/7/2024 ông Phạm Văn T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo và sửa đổi nội dung kháng cáo, không đề nghị hủy bản án sơ thẩm nữa, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản

án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định cụ T2 là cha bà H.

Ngày 03/7/2024 bà H có đơn kháng cáo quá hạn nên tại Quyết định số 03/2024/QĐ-PT ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T1, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T1 trong thời hạn luật định và đã có đơn xin tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Hội đồng xét xử xem xét đơn theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bà L, ông D, ông H1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông D, ông H1.

[3] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T1 trình bày năm 1998 trước khi cụ T2 chết một đến hai ngày có dặn ông Phạm Quang T và ông Phạm Văn T1 là con trai cụ T2 “Cái H nó là em gái các con, các con phải quan tâm đến nó” khi đó chỉ có vợ ông và ông T ở đó. Không có hàng xóm chứng kiến. Các con cụ T2, cụ H2 đều trình bày trước khi chết cụ T2 không để lại di chúc hay văn bản gì nói đến việc bà H là con cụ T2. Tòa án đã xác minh ở thị trấn Y là nơi cụ T2 cụ H2 sinh sống thì cũng không có thông tin gì về việc trước khi chết cụ Phạm Văn T2 có lập và xin chứng thực di chúc tại UBND thị trấn hay không vì từ trước năm 2010 UBND thị trấn không lưu trữ được.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Y đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 02/2023/QĐ-TCGD. Tại Văn bản số 226/CNSH ngày 24/4/2023 về việc trưng cầu giám định, V1 thuộc V2 đã xác

định:

“Căn cứ theo lý thuyết di truyền: Nhiễm sắc thể X của người cha chỉ di truyền cho người con gái. Trong trường hợp không thu được mẫu của người cha để làm xét nghiệm trực hệ cha - con do người cha đã mất, chỉ có thể làm xét nghiệm nhiễm sắc thể X giữa các người con gái của người cha để xác định những người con này có cùng cha hay không.

Do đó, không thể thay thế bằng mẫu của người con trai để thực hiện xét nghiệm này”.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các bà Phạm Thị B, Phạm Thị L và người giám hộ của bà Phạm Thị Đ là con gái cụ T2 từ chối cho lấy mẫu để xét nghiệm, giám định ADN với bà H. Tại văn bản số 41/CNSH ngày 22/01/2024 Viện Công nghệ Sinh học thuộc V2 xác định, ngoài lấy mẫu ADN của cụ T2 và những người con gái của cụ T2 để thực hiện giám định thì không còn biện pháp giám định ADN nào khác để xác nhận mối quan hệ cha - con giữa cụ Phạm Văn T2 với bà Vũ Thị H.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T1 là người kháng cáo, Tòa án đã yêu cầu ông cho lấy xương của cụ T2 để giám định ADN với bà H nhưng chính ông và gia đình không đồng ý nên cũng không có mẫu để giám định.

Về thực tiễn, cụ Phạm Văn T2 đã chết năm 1998. Trước khi chết không để lại di chúc hoặc tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc cụ T2 là cha bà H. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù bà H, người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông T, ông T1 xác định: Cụ T2 trước khi chết có dặn “Cái H nó là em gái các con, các con phải quan tâm đến nó” và xác định bà H là con gái cụ T2 nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Chính ông D là em trai ông T, ông T1 và là con cụ T2, cụ P trình bày khi bố mẹ ông còn sống, ông không thấy bố mẹ ông nói gì về việc cụ T2 có con riêng, cũng không thấy nói gì về việc bà H là con riêng của cụ T2. Việc bà H cho rằng bà H là con riêng của cụ T2 là không đúng. Nay bà H yêu cầu Tòa án xác định cụ Phạm Văn T2 là cha bà H, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Các đương sự đều thừa nhận, khi bà H kết hôn, cụ T2 và gia đình cụ T2 không ai đứng ra lo liệu hoặc có trách nhiệm gì. Khi cụ T2 chết, bà H không về chịu tang hoặc thực hiện nghĩa vụ của người con đối với cha. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà H cũng xác định, sau khi cụ T2 chết, bà H chưa lần nào đến đóng góp mỗi dịp giỗ cụ T2 hoặc lễ tết. Từ trước đến nay giữa bà H với cụ T2 và gia đình cụ T2 không đi lại, thực hiện trách nhiệm gì hoặc thể

hiện quyền và nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như thành viên trong gia đình.

Ông Vũ Quang H1 là con trai của cụ Vũ Quang H3 và cụ Đỗ Thị H2 cũng chỉ nghe cụ Đỗ Thị H2 kể cho ông là cụ H2 có quan hệ với cụ T2 nên năm 1970 sinh ra bà Vũ Thị H. Khi sinh bà H, cụ H2 về Nam Định đẻ sinh chứ cũng không sinh tại Y. Bà H cũng không có quan hệ mật thiết gì với gia đình cụ T2, cụ P. Khi cụ T2, cụ P chết bà H cũng không về đội tang. Nhìn bà H có khuôn mặt giống bà B. Ông không có giấy tờ, tài liệu chứng cứ gì mà chỉ nghe cụ H2 kể lại bà H là con cụ T2.

Từ những phân tích trên thấy rằng trước khi bà H khởi kiện thì chưa bao giờ bà H và gia đình cụ T2, cụ P có mối quan hệ đi lại thể hiện tình thân, không tham gia việc ma chay, cưới xin, giỗ tết của hai gia đình, không có việc nhận anh em, họ hàng giữa các đương sự. Nay không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc xác định cụ Phạm Văn T2 là cha bà H.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn T1 phải chịu án phí phúc thẩm nhưng ông có đơn xin miễn án phí ngày 15/7/2024 vì là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của của ông Phạm Văn T1, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Áp dụng Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc đề nghị Tòa án xác định cụ Phạm Văn T2 là cha đẻ của bà Vũ Thị H.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số 0001492 ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm cho ông Phạm Văn T1 .

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

